

HIỂU BIẾT TÀI CHÍNH VÀ QUYẾT ĐỊNH MUA BẢO HIỂM THỦY SẢN CỦA CÁC HỘ NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG TỈNH CÀ MAU

● BÙI LÊ THÁI HẠNH

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm kiểm tra sự ảnh hưởng của mức độ hiểu biết tài chính của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở Cà Mau đến quyết định của họ trong việc tham gia các sản phẩm bảo hiểm phục vụ hộ nuôi tôm tiềm năng. Kết quả xác định, mức độ hiểu biết tài chính có mối quan hệ tích cực đến quyết định tham gia bảo hiểm nuôi tôm của nông hộ. Các nhân tố khác gồm: trình độ học vấn, việc tham gia tập huấn, số năm kinh nghiệm nuôi tôm của chủ hộ có ảnh hưởng tích cực đến quyết định tham gia bảo hiểm của nông hộ. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cho thấy các khoản chi phí sản xuất trong nuôi tôm được tính bảo hiểm của nông hộ có ảnh hưởng tích cực, trong khi, lợi nhuận đạt được của hộ có ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định tham gia bảo hiểm.

Từ khóa: Hiểu biết tài chính, quyết định tham gia bảo hiểm, tôm thẻ chân trắng.

1. Đặt vấn đề

Nuôi tôm Thẻ chân trắng (TCT) vùng ĐBSCL bắt đầu phát triển vào năm 2008 theo Quyết định số 456/QĐ-BNN-NTTS ngày 04/02/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), đến năm 2014, tổng diện tích nuôi tôm TCT tại 8 tỉnh vùng ven biển ĐBSCL là 60.952 ha, tăng hơn 13 lần so với năm 2008 (4.477 ha) với mức tăng trưởng bình quân đạt 54,53%/năm. Nguyên nhân sự tăng trưởng mạnh mẽ này đến từ sự chuyển đổi từ mô hình nuôi tôm Sú thâm canh - Bán thâm canh sang nuôi tôm TCT với thời gian nuôi ngắn, rủi ro thấp và năng suất vượt trội. Điều này cho thấy hiệu quả rõ rệt của đối tượng tôm TCT so với tôm Sú khi ngày càng được nhiều người nuôi áp dụng.

Cà Mau là tỉnh có sản lượng và diện tích nuôi tôm nước lợ lớn của vùng ĐBSCL. Đặc biệt trong những năm gần đây, nhận thấy được hiệu quả kinh tế của nghề nuôi tôm công nghiệp, cụ thể là tôm thẻ chân trắng mang lại cao, nhiều nông hộ nuôi tôm đã mạnh dạn chuyển đổi hình thức nuôi, áp dụng các phương pháp kỹ thuật nuôi hiện đại để tăng thu nhập, ổn định kinh tế gia đình. Tuy vậy, nghề nuôi tôm vẫn là nghề xảy ra rủi ro và tổn thất cao cho người nông dân do mức đầu tư cho nuôi tôm thường luôn rất lớn. Từ kết quả bồi thường của chương trình thí điểm bảo hiểm theo Quyết định số 315/QĐ-TTg về thực hiện thí điểm BHNN ở Việt Nam giai đoạn 2011-2013 cũng cho thấy, hoạt động nuôi tôm nước lợ thường xuyên phải đối mặt với rủi ro và khả

năng tồn thất cao hơn so với các loại hình nuôi thủy sản khác.

Bảo hiểm nông nghiệp ở các quốc gia sản xuất nông nghiệp luôn là các chính sách thực sự cần thiết, tuy nhiên được ghi nhận thưởng đạt mức cầu thấp và khó triển khai ở giai đoạn đầu thực hiện. Việc nghiên cứu xây dựng giải pháp để đưa bảo hiểm nông nghiệp như là một công cụ quản lý rủi ro cho sản xuất nông nghiệp Việt Nam trong tương lai là một nội dung cấp thiết khi mà nông hộ Việt Nam gần như có rất ít các công cụ quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất của họ. Trong đó, việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ sản xuất và sự ảnh hưởng của hiểu biết tài chính của hộ sản xuất đến nhu cầu đối với sản phẩm này là cơ sở nền tảng cho các nội dung nghiên cứu nhằm phát triển loại hình bảo hiểm thiết thực và tiềm năng này trong tương lai.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Khái niệm về mức độ hiểu biết tài chính

Có nhiều định nghĩa khác nhau về hiểu biết tài chính được trình bày trong cơ sở lý thuyết Theo Orton (2007), hiểu biết tài chính là khả năng để hiểu và phân biệt được các phương án tài chính, cảm thấy thoải mái khi nói về các chủ đề tài chính cá nhân, đưa ra các quyết định chống lại các vấn đề không chắc chắn trong tương lai cũng như được chuẩn bị để giải quyết các vấn đề tài chính hàng ngày một cách hiệu quả. Hiểu biết tài chính cũng có thể được xác định như là khả năng một người nào đó để hiểu và giải quyết thông tin để có thể đưa ra quyết định tài chính hợp lý (Gaurav và cộng sự, 2012).

2.1.2. Mối quan hệ giữa hiểu biết tài chính và việc sử dụng các dịch vụ tài chính

Các cơ sở lý thuyết xác nhận có sự liên kết mạnh giữa sự hiểu biết tài chính, sử dụng các dịch vụ tài chính và lợi ích của khách hàng (Lusardi và Mitchell, 2008; Gine, Townsend và Vickery, 2008; Cole, Sampson và Zia, 2009). Hiểu biết tài chính được kỳ vọng sẽ làm gia tăng cầu về bảo hiểm. Gine và cộng sự (2011) tìm thấy rằng việc thiếu hiểu biết về sản phẩm là lý do được ghi nhận phổ biến nhất cho việc không mua bảo

hiểm. Mức độ hiểu biết thấp về tài chính cho thấy là thành tố quan trọng của lượng mua bảo hiểm thấp. Một vài nghiên cứu cho rằng, việc tập huấn về kỹ năng tài chính có ảnh hưởng tích cực đến cầu bảo hiểm vi mô. Dercon và cộng sự (2014) tìm thấy một ảnh hưởng tích cực của việc huấn luyện kỹ năng quản lý rủi ro đến nhu cầu mua bảo hiểm và nhấn mạnh rằng nội dung huấn luyện tập huấn có tác dụng. Khan và Ahmed (2013) chỉ ra lỗi hỏng kiến thức hay sự thiếu hiểu biết tài chính là rào cản quan trọng đối với việc tham gia thị trường bảo hiểm. Các tác giả nhấn mạnh sự ảnh hưởng của can thiệp giáo dục vào mức sẵn lòng trả cho bảo hiểm vi mô ở Bangladesh. Một kết luận chủ yếu từ nghiên cứu này xoay quanh sự thật là việc can thiệp về giáo dục, qua đó nâng cao hiểu biết tài chính có thể ảnh hưởng đến quyết định mua bảo hiểm và mức sẵn lòng trả cho bảo hiểm.

2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Để đo lường mức độ hiểu biết tài chính của nông hộ, đặc biệt ở vùng nông thôn và các nước đang phát triển, nghiên cứu sử dụng bộ ba câu hỏi về kiến thức, hiểu biết tài chính ở mức độ cơ bản dành cho nhóm nông hộ, hộ gia đình (OECD, 2012)

Phân tích ảnh hưởng của hiểu biết tài chính cùng các yếu tố khác đến quyết định tham gia bảo hiểm nông nghiệp của các nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở Cà Mau, sử dụng phương pháp phân tích hồi quy bằng mô hình kinh tế lượng Probit. Mô hình hồi quy được trình bày như sau:

QUYETDINHBAOHIEM

$$= \beta_0 + \beta_1.HOCVAN + \beta_2.KINHNGHIEM$$

$$+ \beta_3.TAPHUAN + \beta_4.HIEUBIETTC$$

$$+ \beta_5.CHIPHIBH + \beta_6.LOINHUAN + u_i$$

Trong đó, QUYETDINHBAOHIEM là biến phụ thuộc nhận giá trị 1 nếu nông hộ quyết định sẽ mua bảo hiểm nông nghiệp và nhận giá trị 0 nếu ngược lại.

2.3. Số liệu nghiên cứu

Để đảm bảo tính đại diện của số liệu, phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp ngẫu nhiên được sử dụng. Số liệu sơ cấp sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập thông qua điều tra phỏng vấn 91 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng trên địa bàn tỉnh Cà Mau gồm huyện Phú Tân, Cái Nước

và Đầm Dơi, là các địa phương có diện tích và sản lượng nuôi tôm cao nhất của tỉnh Cà Mau. Thời gian điều tra được thực hiện vào tháng 9/2018.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đặc điểm chung về các nông hộ nuôi tôm TCT ở Cà Mau

Kết quả khảo sát 91 nông hộ trên địa bàn nghiên cứu cho thấy một số đặc điểm chung của các nông hộ nuôi tôm TCT ở Cà Mau, được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình và kết quả sản xuất tôm TCT của nông hộ ở Cà Mau

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trung bình
Diện tích nuôi tôm TCT	m ²	3.285,93
Mật độ thả nuôi	con/m ²	77,80
Sản lượng tôm TCT	Kg/vụ	3.560,44
Năng suất	kg/m ²	1,09
Giá bán	1000 đồng/kg	110,252
Chi phí	Triệu đồng/1000m ²	76,070
Lợi nhuận	Triệu đồng/1000m ²	32,230

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2018

Diện tích nuôi tôm TCT trung bình của hộ là 3.285,93 m², đa phần các nông hộ nuôi theo quy mô vừa. Mật độ tôm giống trung bình thả nuôi xấp xỉ 78 con/m², mật độ này không quá thưa cũng không quá dày tạo điều kiện thuận lợi cho tôm sinh trưởng và phát triển. Sản lượng tôm TCT trung bình là 3.560,44 kg/vụ, mức năng suất trung bình đạt 1,09 kg/m². Về giá tôm TCT mà các thương lái thu mua của nông hộ trung bình được 110,252 ngàn đồng/kg với mức giá này thì người nuôi tôm thu được lãi bình quân 32,23 triệu đồng/1000m² sau khi đã trừ đi các khoản chi phí trong quá trình sản xuất, mức chi phí bình quân được thống kê là 76,07 triệu đồng/1000m².

3.2. Mức độ hiểu biết tài chính và tiếp cận các dịch vụ tài chính của các nông hộ nuôi tôm TCT ở Cà Mau

Hiểu biết tài chính tốt giúp nông hộ đưa ra được các quyết định đầu tư, sản xuất đúng đắn liên quan đến việc giải quyết các vấn đề về nguồn vốn để sản xuất, các khoản thu chi hợp lý để đạt lợi nhuận vụ nuôi cùng các hiểu biết tiếp cận ngân hàng và các dịch vụ của ngân hàng.

Đề đo lường hiểu biết tài chính của nông hộ, nghiên cứu sử dụng các câu hỏi cho mức độ hiểu biết tài chính cơ bản trong “Bộ câu hỏi khảo sát lựa chọn cho hiểu biết tài chính của OECD” (OECD, 2011). Do đối tượng khảo sát của nghiên cứu là các nông hộ với trình độ học vấn và kiến thức tài chính có phần hạn chế nên để tài theo hướng của các nghiên cứu về hiểu biết tài chính ở vùng nông thôn thuộc các quốc gia đang phát triển, chỉ tập trung ở phần câu hỏi về kiến thức cơ bản, bỏ qua các câu hỏi về kiến thức tài chính nâng cao.

Điểm số hiểu biết tài chính bình quân của 3 huyện cho thấy trong mẫu nghiên cứu, các nông hộ ở Đầm Dơi có mức độ hiểu biết tài chính thấp nhất và Phú Tân có số nông hộ trả lời đúng các câu hỏi nghiên cứu nhiều hơn lần số người trả lời đúng 3 câu hỏi cũng nhiều nhất.

Bảng 2. Điểm số hiểu biết tài chính theo địa bàn huyện của các nông hộ nuôi tôm TCT ở Cà Mau

	0	1	2	3	Điểm số hiểu biết tài chính bình quân
Phú Tân	9	12	7	2	1,07
Cái Nước	6	17	6	1	1,07
Đầm Dơi	12	16	2	1	0,74
Tổng 3 huyện	27	45	15	4	0,96

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2018

3.3. Vấn đề tiếp cận các dịch vụ tài chính nông thôn và hiểu biết tài chính của các nông hộ nuôi tôm TCT ở Cà Mau

Thông tin từ Bảng 3 phản ánh số lượng các nông hộ có từng tiếp cận các dịch vụ tài chính ở nông thôn. Kết quả trong quá trình khảo sát, đa số các nông hộ rất ít thực hiện các dịch vụ tài chính qua ngân hàng như chuyển tiền, thanh toán. Kênh tiếp cận dịch vụ tài chính phổ biến nhất ở nông thôn có thể thấy là kênh tín dụng ngân hàng. Có 67 trong tổng số 91 quan sát có tiếp cận tín dụng ngân hàng, chủ yếu vay vốn để phục vụ cho hoạt động nuôi tôm, vay tiêu dùng là không đáng kể. Tuy vậy, qua quá trình khảo sát, dù các hộ có tiếp cận tín dụng ngân hàng thì kiến thức ở câu hỏi về việc vay vốn ngân hàng, đa phần các nông hộ không trả lời đúng. Họ thuận tụy vay vốn vì thiếu hụt vốn và nhận thức được lãi suất thấp hơn việc vay mượn khác còn hiểu biết sâu hơn về các vấn đề liên quan đến vay vốn hay kỹ thuật nhằm đạt hiệu quả trong vay vốn là không đáng kể.

quyết định tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ nuôi tôm TCT trên địa bàn tỉnh Cà Mau, để tài sử dụng mô hình Probit để phân tích. Kết quả ước lượng mô hình được trình bày ở Bảng 4.

Biến HOCVAN có hệ số có ý nghĩa thống kê ở 10%, tương quan thuận với quyết định tham gia bảo hiểm. Trình độ học vấn của nông hộ được kỳ vọng sẽ ảnh hưởng tích cực và cũng được tìm thấy ảnh hưởng tích cực đến quyết định tham gia bảo hiểm ở một số nghiên cứu. Kết quả giải thích qua hiệu ứng biên cho thấy nếu nông hộ có 1 năm học vấn tăng thêm thì xác suất hộ tham gia BHTS sẽ tăng thêm 4,2%.

Biến TAPHUAN có hệ số có ý nghĩa thống kê ở mức 1% tương quan thuận với quyết định tham gia bảo hiểm. Hệ số dương của TAPHUAN ngụ ý rằng các hộ có tham gia tập huấn thì nhu cầu mua bảo hiểm tôm nuôi lớn hơn 57,6 điểm phần trăm so với hộ không được tập huấn. Khi nông hộ đến với các buổi tập huấn, hội thảo họ sẽ được nghe và học hỏi từ các kỹ sư có chuyên môn về cách

Bảng 3. Tiếp cận dịch vụ tài chính và hiểu biết tài chính theo địa bàn huyện của các nông hộ nuôi tôm TCT ở Cà Mau

Các vấn đề về tiếp cận và hiểu biết tài chính của nông hộ nuôi tôm TCT	Phủ Tân	Cái Nước	Đầm Dơi
Có từng sử dụng bất kỳ dịch vụ tài chính (ví dụ: nhân chuyển tiền, thanh toán tại ngân hàng, các tổ chức phi ngân hàng...)	5	2	0
Có từng sử dụng bất kỳ khoản vay chính thức phục vụ sản xuất từ ngân hàng, các tổ chức phi ngân hàng	19	27	21
Có từng sử dụng bất kỳ khoản vay chính thức phục vụ nhu cầu tiêu dùng từ ngân hàng, các tổ chức phi ngân hàng	10	5	8
Có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, các tổ chức phi ngân hàng	3	0	0
Có các khoản tự tiết kiệm tại nhà	12	8	9
Có ghi chép các khoản thu chi của gia đình mình	15	10	8

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2018

3.4. Ảnh hưởng của hiểu biết tài chính đến quyết định tham gia bảo hiểm thủy sản tiềm năng của các nông hộ nuôi tôm TCT ở Cà Mau

Để phân tích ảnh hưởng của mức độ hiểu biết tài chính của nông hộ cùng các yếu tố khác đến

ứng phó hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình nuôi, phương pháp, kỹ thuật nuôi tôm khoa học; đồng thời còn được thông tin giải thích về vấn đề bảo hiểm trong nông nghiệp cụ thể là đối với tôm nuôi. Điều đó sẽ tác động tích cực đến người nuôi

Bảng 4. Kết quả mô hình Probit cho quyết định mua bảo hiểm tôm TCT

Tên biến	Giải thích biến	Hệ số	Giá trị P	Hiệu ứng biên
HOCVAN	<i>Trình độ học vấn</i>	0,105	0,092*	0,042
KINHNGHIEM	<i>Kinh nghiệm nuôi</i>	0,004	0,945ns	0,002
TAPHUAN	<i>Tham gia tập huấn</i>	1,676	0,000***	0,576
HIEUBIETTC	<i>Hiểu biết tài chính</i>	0,734	0,008*	0,292
DIENTICH	<i>Diện tích nuôi</i>	0,432	0,353ns	0,172
CHIPHIBH	<i>Chi phí được tính BH</i>	1,289	0,025**	0,513
LOINHUAN	<i>Lợi nhuận hoạt động nuôi</i>	-0,014	0,007***	-0,006
Hằng số		-11,085	0,041	
Giá trị log likelihood			-41,78	
Giá trị kiểm định chi ²			Prob> X ² : 0,0000	
Pseudo R ²			33,62%	
Phần trăm dự báo đúng			81,32%	
Số quan sát			91	
Ghi chú: **, *** Biến có ý nghĩa thống kê lần lượt ở các mức ý nghĩa tại 10%, 5% và 1%				

Nguồn: Số liệu điều tra hộ năm 2018

giúp họ vừa nâng cao kiến thức, hiểu rõ hơn về các rủi ro, vừa hiểu hơn tầm quan trọng của bảo hiểm, hình thành ý thức tham gia BHNN để giảm thiệt hại có thể xảy ra.

Biến HIEUBIETTC: có hệ số có ý nghĩa thống kê ở mức 10% và có tương quan thuận với quyết định tham gia bảo hiểm. Hiểu biết tài chính, được đo lường bằng điểm số hiểu biết tài chính của chủ hộ, gắn với các chỉ tiêu tài chính như lãi suất, các hoạt động vay vốn tín dụng, tài khoản tiết kiệm, giá trị đồng tiền theo thời gian nên việc nông hộ hiểu biết tài chính tốt, thường là các nông hộ nhạy bén và biết sử dụng các kiến thức tài chính trong hoạt động sản xuất của mình. Điều này sẽ giúp họ có những quyết định đầu tư sản xuất lẫn sử dụng công cụ tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro một cách tốt hơn. Cụ thể, nếu hiểu biết tài chính của nông hộ hay số câu trả lời đúng của họ tăng

lên 1 câu (1 điểm) thì xác suất quyết định tham gia bảo hiểm tăng 29,2%.

Biến CHIPHIBH có ảnh hưởng thuận chiều với quyết định tham gia bảo hiểm của nông hộ ở mức ý nghĩa 5%. Chi phí này bao gồm chi phí tôm giống, thức ăn và thuốc thủy sản đầu tư cho một vụ tôm trên diện tích 1000m². Đây là các khoản chi phí lớn nhất phải bỏ ra trong một vụ tôm. Không những vậy loại chi phí này còn là cơ sở xác định số tiền bảo hiểm, mức phí phải đóng và số tiền được bồi thường nếu có thiệt hại xảy ra. Chính vì lý do này mà khi chi phí giống, thức ăn và thuốc càng cao thì hộ nuôi tôm thường có mong muốn tham gia bảo hiểm càng cao. Kết quả từ mô hình ước lượng cho thấy, nếu chi phí này tăng lên 1% thì xác suất quyết định tham gia BH của nông hộ sẽ tăng 51,3%.

Biến LOINHUAN, ở mức ý nghĩa 1%, tương

quan nghịch với quyết định tham gia BHNN và dấu của hệ số là âm cùng dấu với dấu kỳ vọng ban đầu. Kết quả cho thấy, khi lợi nhuận đạt được của vụ nuôi trên 1000m² giảm đi 1 triệu đồng thì xác suất của quyết định tham gia bảo hiểm thủy sản của nông hộ sẽ tăng thêm 0,6%. Ngược lại, những hộ có giá trị lợi nhuận cao hơn sẽ có khuynh hướng giảm khả năng tham gia bảo hiểm thủy sản.

4. Kết luận

Nghiên cứu này kiểm tra sự ảnh hưởng của mức độ hiểu biết tài chính của nông hộ đến quyết định tham gia bảo hiểm nông nghiệp (tiềm năng). Số liệu nghiên cứu được thực hiện từ khảo sát 91 nông hộ nuôi tôm TCT thuộc 3 huyện có diện tích và sản lượng nuôi tôm nước lợ nhiều nhất ở Cà Mau. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ hiểu biết tài chính được đo lường và việc tiếp cận các dịch vụ tài chính ở vùng nông thôn là khá hạn chế. Nghiên cứu khẳng định có sự ảnh hưởng tích cực từ mức độ hiểu biết tài chính của nông hộ đến quyết định tham gia bảo hiểm nông

ngiệp của họ, bên cạnh các yếu tố khác như trình độ học vấn, tham gia tập huấn và số năm kinh nghiệm nuôi của chủ hộ.

Một số khuyến nghị cho chính sách nâng cao hiểu biết tài chính, hướng tới mở rộng dịch vụ bảo hiểm cho hộ nuôi tôm ở tỉnh Cà Mau, bao gồm: (i) ngành nông nghiệp ở địa phương cần thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn nhằm nâng cao hiểu biết kỹ thuật nuôi cùng các kiến thức tài chính cần thiết cho nông hộ; (ii) tiếp tục phổ biến về dịch vụ bảo hiểm tôm nuôi trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông qua kênh của chính quyền địa phương nhằm nâng cao nhận thức của người nuôi tôm về các sản phẩm bảo hiểm tiềm năng; (iii) cần có cơ chế phối hợp giữa ngành nông nghiệp ở địa phương và công ty bảo hiểm để tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề để gia tăng sự hiểu biết của khách hàng về chương trình bảo hiểm nông nghiệp, trao đổi thắc mắc với hộ nuôi tôm để tạo sự tin tưởng đối với loại hình bảo hiểm này ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Cole, S. A., Sampson, T. A., & Zia, B. H. (2009). *Financial literacy, financial decisions, and the demand for financial services: evidence from India and Indonesia*. Harvard Business School.
2. Danso-Abbeam, G., Addai, K.N., & Elnakpor, D. (2014). Willingness to Pay for Farm Insurance by Small-holder Cocoa Farmers in Ghana. *Journal of Social Science for Policy Implications*, 2(1), 163-183.
3. Dercon, S., Hill, R.V., Clarke, D., Outes-Leon, I. and Taffesse, A.S. (2014). Offering rainfall insurance to informal insurance groups: Evidence from a field experiment in Ethiopia. *Journal of Development Economics* 106: 132-143.
4. Gaurav S., Singh A. (2012), *An Inquiry into the Financial Literacy and Cognitive Ability of Farmers: Evidence from Rural India*, *Oxford Development Studies*, Vol. 40, No. 3, pp. 358-380, p.360.
5. Gine, X., Townsend, R., and Vickery, J. (2008) *Patterns of Rainfall Insurance Participation in Rural India*. *The World Bank Economic Review*, 22(3), 539-566
6. Lusardi, A., Mitchell, O.S. (2014). *The Economic Importance of Financial Literacy: Theory and Evidence*. *Journal of Economic Literature*, 52(1), 5-44.
7. OECD INFE (2011) *Measuring Financial Literacy: Core Questionnaire in Measuring Financial Literacy: Questionnaire and Guidance Notes for conducting an Internationally Comparable Survey of Financial literacy*. Paris: OECD.
8. Orton, L. (2007). *Financial literacy: Lessons from International Experience*. Research Report. Canadian Policy Research Networks Inc.

Ngày nhận bài: 11/7/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 21/7/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 1/8/2019

Thông tin tác giả:

ThS. BUI LÊ THÁI HẠNH

Trưởng Đại học Cần Thơ

**FINANCIAL LITERACY AND WILLINGNES
TO PARTICIPATE IN SHRIMP FARMING INSURANCE
OF WHITE LEG SHRIMP FARMERS
IN CA MAU PROVINCE**

● **Master. BUI LE THAI HANH**
Can Tho University

ABSTRACT:

This study is to investigate the impact of financial literacy on the agricultural insurance buying decision of white led shrimp farmers in Ca Mau province. The results indicate that the financial literacy is positively associated with shrimp farmers' decision to participate in the shrimp farming insurance program. Other determinants of willingness to participate in the shrimp farming insurance program include the characteristics of shrimp farmers such as education level, training program, years of experience significantly and positively affect farmers' decisions on participating in the shrimp farming insurance program. In addition, the result shows that the production costs which are insured affect positively on the shrimp farmers's decision on participating in the shrimp farming insurance program while the return of shrimp farming has a negative effect.

Keywords: Financial literacy, insurance buying decision of famers, white leg shrimp.